

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

**Bùi Tiến Trịnh**

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

## **Tóm tắt**

*Giáo dục Quốc phòng và An ninh với tư cách là một môn học lý luận chính trị trong các trường Đại học đã và đang góp phần thực hiện đường lối quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bằng phương pháp điều tra, khảo sát, phân tích quá trình giảng dạy và học tập môn học, nghiên cứu đã đưa ra được kết quả đánh giá theo thực trạng hoạt động giảng dạy và học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Chỉ ra được một số những thuận lợi và hạn chế từ đó đưa ra bốn nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy và học tập trong thời gian tiếp theo.*

**Từ khóa:** Giáo dục Quốc phòng và An ninh; Phân hiệu; Quân sự.

## **Abstract**

***Solutions to improve the effectiveness of teaching the courses on national defense and security education at the Hanoi University of Natural Resources and Environment***

*National Defense and Security education, as a political theory subject in universities, has contributed to the implementation of the national defense and people's security policy of the Communist Party of Vietnam. Using investigation, survey, and analysis of the teaching and learning process of the subject, the study has produced evaluation results based on the current status of teaching and learning activities of the National Defense and Security education subject at the Hanoi University of Natural Resources and Environment. Pointing out some advantages and limitations, from which 4 groups of solutions are proposed to improve the effectiveness of teaching and learning in the coming time.*

**Keywords:** National Defense and Security education; Branch; Military.

Nhận bài: 02/8/2024; Phản biện xong: 15/8/2024; Chấp nhận đăng: 20/12/2024

**Tác giả liên hệ, Email:** bttrinh@hunre.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.63064/khtnmt.2024.634>

## **1. Đặt vấn đề**

Giáo dục Quốc phòng và An ninh (GDQP&AN) với tư cách là một môn học lý luận chính trị trong các trường Đại học đã và đang góp phần thực hiện đường lối quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh các đối tượng như cán bộ, đảng viên, sinh viên,... việc tổ chức dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học luôn được các cấp, các ngành quan tâm, chỉ đạo thực hiện.

## Nghiên cứu

Giáo dục Quốc phòng và An ninh được Đảng và Nhà nước ta xác định là một nội dung của nền giáo dục Quốc gia, là nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa (XHCN). GDQP&AN góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Cách mạng Việt Nam là xây dựng thành công XHCN và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN [4].

Với các trường Đại học, trong giai đoạn cách mạng hiện nay nhiệm vụ GDQP&AN là làm sao cho thế hệ trẻ sinh viên (SV) nhận thức được giá trị nền độc lập, tự do, sự hy sinh lớn lao của các thế hệ ông cha để bảo vệ đất nước. Xuất phát từ quan điểm của Đảng, việc phổ cập và tăng cường GDQP&AN là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ trung ương đến địa phương bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, kết hợp giáo dục thường xuyên với giáo dục tập trung có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giáo dục lòng yêu nước, yêu chế độ XHCN, lịch sử truyền thống của Đảng và dân tộc, ý thức sống và làm việc theo pháp luật, trong đó xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân [1]. Với ý nghĩa đó, GDQP&AN trong giai đoạn hiện nay không chỉ đơn thuần là môn học về kỹ thuật quân sự mà là một hệ thống kiến thức tổng hợp về quốc phòng, an ninh, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc nói chung và góp phần giáo dục về ý thức và trách nhiệm, qua đó hình thành phẩm chất, đạo đức người lao động, người chiến sĩ trong

tương lai của thế hệ trẻ đang học tập trong Nhà trường [5].

Trong những năm qua Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã không ngừng thay đổi và phát triển phương pháp giáo dục nhằm tạo cho sinh viên những cảm hứng ham muốn học tập. Đặc biệt là khóa học quân sự, đây là khóa học các em luôn quan tâm và mong muốn được tham gia học tập. Các em được trải nghiệm những chế độ học tập, rèn luyện và nền nếp như các anh bộ đội chính quy. GDQP&AN cho sinh viên là hệ thống những tác động tích cực, liên tục, có mục đích của chủ thể giáo dục đến sinh viên trong quá trình giáo dục, đào tạo, nhằm chuyển hóa những giá trị văn hóa quân sự thành giá trị văn hóa cá nhân; Có vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần to lớn tạo nên sức mạnh chính trị, tinh thần, nhân tố bảo đảm cho đội ngũ sinh viên hoàn thiện nhân cách người cán bộ trong quân đội; Có phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng trong sáng, có lối sống trong sạch, lành mạnh, có niềm tin tuyệt đối vào Đảng, có tinh thần trách nhiệm cao trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao [3].

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Điều tra, khảo sát hiện trạng**

Khảo sát thực trạng quá trình giảng dạy, học tập môn học GDQP&AN cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Đối tượng khảo sát: 170 khách thể tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong đó bao gồm 10 giảng

viên tổ GDQP, 10 cán bộ quản lý (CBQL) của Nhà trường bao gồm Ban Giám hiệu (BGH) và cán bộ (CB) các phòng ban (Văn phòng Đoàn, Phòng Công tác Sinh viên) và 10 cán bộ thuộc Ban chỉ huy quân sự địa phương, 140 sinh viên năm thứ nhất, thứ 2 và 3.

**2.2. Phương pháp và công cụ khảo sát**

- *Khảo sát bằng phiếu hỏi*

Để tiến hành khảo sát thực trạng, tác giả xây dựng 02 phiếu điều tra: Phiếu điều tra dành cho CBQL, giảng viên (GV) và 01 phiếu cho sinh viên (SV). Phiếu phỏng vấn dành cho một số khách thể đã được xác định: CBQL, cán bộ cơ quan, ban, ngành.

\* *Các thang đo và mức độ đánh giá*

**Bảng 1. Các thang đo và mức độ đánh giá**

*(Với thang đo 04 mức độ)*

TT	Mức độ	Điểm	Thang đo
1	Tốt/ Rất cần thiết/ Rất thường xuyên/Rất hiệu quả/Rất tích cực	4	Từ 3,25 điểm đến 4 điểm
2	Khá/ Cần thiết/ Thường xuyên/Hiệu quả/Tích cực	3	Từ 2,50 điểm đến 3,25 điểm
3	Trung bình/ Ít cần thiết/ Ít thường xuyên/Ít hiệu quả/Ít tích cực	2	Từ 1,75 điểm đến 2,50 điểm
4	Không tốt(yếu)/ Không cần thiết/ Chưa thường xuyên/Không hiệu quả/Không tích cực	1	Dưới 1,75 điểm

**3. Kết quả nghiên cứu**

**3.1. Thực trạng và nhiệm vụ giáo dục Quốc phòng và An ninh cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội**

Môn học GDQP&AN là môn học chính khóa bắt buộc đối với SV hệ đào tạo Đại học. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thực hiện theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình GDQP&AN). Trường thực hiện đào tạo theo niên chế, khối lượng kiến thức môn học GDQP&AN

- *Phỏng vấn trực tiếp*

Phòng vấn trực tiếp một số CBQL, GV, SV về các nội dung có liên quan đến thực trạng của nghiên cứu.

**2.3. Phương pháp xử lý kết quả khảo sát và thang đo**

- Sử dụng các công thức toán học

$$\text{Tính phần trăm \%} = \frac{m \times 100}{n}$$

trong đó: m là số khách thể trả lời.

n là tổng số khách thể được nghiên cứu.

Tính

$$\bar{X} = \frac{x_1+x_2+x_3+\dots+x_n}{n} = \frac{1}{n} \sum x_i$$

trong đó: x1, x2...xn là số điểm cho tương ứng với phương án trả lời [4].

- Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý số liệu

với 04 học phần (Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật) 09 tín chỉ (165 tiết). Căn cứ vào chương trình này, Nhà trường xây dựng đề cương chi tiết môn học, bảo đảm đủ thời gian cho các hoạt động đào tạo theo quy định hiện hành, phù hợp với quy trình và hình thức tổ chức đào tạo.

Trong những năm qua, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN cho hàng nghìn SV với kết quả đáp ứng được

## Nghiên cứu

mục tiêu, yêu cầu của môn học. Đặc biệt từ năm học 2017 đến nay, trước tình hình mới của đất nước và khu vực đặt ra những yêu cầu cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng môn học GDQP&AN đối với SV là lực lượng xung kích trong hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đòi hỏi Nhà trường không ngừng đổi mới các biện pháp quản lý để nâng cao chất lượng

Theo kết quả điều tra cho thấy:

**Bảng 1. Thực trạng quản lý việc soạn giáo án, chuẩn bị lên lớp và hồ sơ chuyên môn của giảng viên**

TT	Biện pháp quản lý việc soạn giáo án, chuẩn bị lên lớp và hồ sơ chuyên môn của GV	Mức độ thực hiện (%)						$\bar{X}$	Thứ bậc
		Tốt		Trung bình		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quán triệt, phổ biến cho GV nắm vững các quy định về soạn giáo án và chuẩn bị giờ lên lớp.	21	70	5	16,7	4	13,3	2,53	2
2	Chỉ đạo Tổ chuyên môn tổ chức thảo luận về quy định soạn bài, thống nhất nội dung mục tiêu, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học.	18	60	8	26,7	4	13,3	2,43	3
3	Bảo đảm cho GV đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bổ trợ.	16	53,3	9	30,0	5	16,7	2,33	4
4	Quy định cụ thể về hồ sơ chuyên môn GV phải thực hiện.	22	73,3	4	13,3	4	13,3	2,6	1
5	Tiến hành kiểm tra giáo án và hồ sơ chuyên môn.	10	33,3	8	26,7	12	40,0	1,93	5

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát*

Nhà trường đã thường xuyên tổ chức quán triệt, phổ biến cho GV nắm vững các quy định về soạn giáo án và chuẩn bị giờ lên lớp một cách cụ thể (70 % đánh giá thực hiện tốt,  $\bar{X} = 2,53$ ; Xếp thứ bậc = 2).

Chỉ đạo các Tổ chuyên môn tổ chức thảo luận về quy định soạn giáo án, thống nhất mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp với từng môn học, từng bài học nhằm nâng cao hiệu quả giờ lên lớp. Tuy nhiên, vẫn có 26,7 % số ý kiến đánh giá ở mức trung bình ( $\bar{X} = 2,43$ ; Xếp thứ

hoạt động giảng dạy môn GDQP&AN cho SV nói riêng và chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung.

### **3.2. Kết quả khảo sát thực trạng**

#### *3.2.1. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giảng viên*

*a. Thực trạng quản lý việc soạn giáo án, chuẩn bị giờ lên lớp và hồ sơ chuyên môn của giảng viên*

bậc = 3), chứng tỏ biện pháp này chưa đạt được kết quả mong muốn.

Việc cung cấp, bảo đảm giáo trình, tài liệu tham khảo để GV nghiên cứu nắm được nội dung và hướng giảng dạy đã được quan tâm. Tuy vậy, qua điều tra cho thấy, vẫn còn một số GV chưa thường xuyên tham khảo cập nhật với chương trình, sách giáo trình mới, thể hiện ở 30 % đánh giá kết quả thực hiện ở mức trung bình và 16,7 % đánh giá ở mức chưa tốt ( $\bar{X} = 2,33$ ; Xếp thứ bậc = 4).

Có 73,3 % số ý kiến đánh giá thực hiện tốt quy định cụ thể về hồ sơ chuyên

môn của GV phải thực hiện. Thực tế cho thấy, đại đa số GV nắm chắc quy định này nên thường xuyên bảo đảm tốt hồ sơ chuyên môn ( $\bar{X} = 2,6$ ; Xếp thứ bậc = 1).

Việc tổ chức kiểm tra định kỳ giáo án và hồ sơ chuyên môn của GV được Nhà trường quan tâm tiến hành thường xuyên, nhưng trong thực tế việc kiểm tra giáo án, hồ sơ chuyên môn đang nặng về kiểm tra hình thức, số lượng mà chưa đi sâu được vào chất lượng, nên vẫn còn tồn tại trường hợp GV chuẩn bị hồ sơ một cách đối phó với sự kiểm tra của cấp trên; Một số GV chép lại của năm học trước, nhưng vẫn chưa được kịp thời điều chỉnh. Do đó, kết quả thực hiện biện pháp chưa được đánh giá cao. Có 40 % đánh giá chưa tốt và 26,7 % số ý kiến đánh giá ở mức trung bình ( $\bar{X} = 1,93$ ; Xếp thứ bậc = 5).

Như vậy, từ những phân tích ở trên, có thể thấy rằng CBQL của Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp và các loại hồ sơ chuyên môn của GV. Song trong thực tế vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Một số GV chưa thường xuyên tham khảo cập nhật với chương trình, sách giáo khoa, giáo trình mới; Việc kiểm tra giáo án và hồ sơ chuyên môn còn nặng về hình thức; GV chưa quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giáo án.

*b. Thực trạng quản lý giờ lên lớp của giảng viên*

Hoạt động dạy học trong Nhà trường chủ yếu diễn ra bằng hình thức dạy và học trên lớp. Giờ lên lớp giữ vai trò quyết định chất lượng dạy học. CBQL quản lý giờ lên lớp của GV thông qua thời khóa biểu, kế hoạch bài dạy, sổ đầu bài và kiểm tra trực tiếp trên lớp.

**Bảng 2. Thực trạng quản lý giờ lên lớp của giảng viên**

TT	Biện pháp quản lý giờ lên lớp của GV	Mức độ thực hiện (%)						$\bar{X}$	Thứ bậc
		Tốt		Trung bình		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Quản lý giờ dạy thông qua thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ lớp.	20	66,7	7	23,3	3	10,0	2,59	1
2	Kiểm tra GV thực hiện giờ lên lớp.	15	50,0	13	43,3	2	6,7	2,5	2
3	Tổ chức dự giờ và phân tích sự phạm tiết dạy.	14	46,7	5	16,7	11	36,7	1,97	3
4	Quy định chế độ báo cáo về việc dạy thay trong trường hợp GV không lên lớp theo kế hoạch.	21	70,0	4	13,3	5	16,7	2,53	1

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát*

Kết quả khảo sát thấy:

Công tác quản lý giờ dạy thông qua thời khóa biểu, kế hoạch giảng dạy, sổ lớp và thực hiện quy định chế độ báo cáo về việc dạy thay trong trường hợp GV không lên lớp theo kế hoạch đã được thực hiện tương đối tốt. Cả hai biện pháp đều có  $\bar{X} = 2,59$ ; Xếp thứ bậc = 1.

Công tác kiểm tra GV thực hiện giờ lên lớp: Có 46,7 % số ý kiến đánh giá thực hiện ở mức trung bình và 6,67 % số ý kiến cho rằng chưa làm tốt công tác này. Như vậy công tác kiểm tra chưa được thực hiện tốt, chưa có nề nếp ( $\bar{X} = 2,5$ ; Xếp thứ bậc = 2).

Muốn đánh giá chính xác chất lượng giảng dạy của GV và thúc đẩy nâng cao

### Nghiên cứu

chuyên môn, nghiệp vụ cho họ, phải tổ chức dự giờ định kỳ, đột xuất và phân tích sự phạm sau tiết dạy. Trên thực tế thường tiến hành dự giờ theo định kỳ mà ít dự giờ đột xuất. Việc phân tích sự phạm sau tiết dạy chưa thường xuyên, còn sơ sài. Vì vậy, có tới 43,3 % số ý kiến đánh giá ở mức chưa tốt ( $\bar{X} = 1,97$ ; Xếp thứ bậc = 3).

c. *Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên*

Kết quả khảo sát như sau:

**Bảng 3. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

TT	Biện pháp quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV	Mức độ thực hiện (%)						$\bar{X}$	Thứ bậc
		Tốt		Trung bình		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức học tập quy chế, hướng dẫn đánh giá xếp loại SV vào đầu mỗi năm học	18	60	8	26,7	4	13,3	2,47	1
2	Xây dựng những quy định cụ thể về việc tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV	17	56,7	9	30	4	13,3	2,43	2
3	Chỉ đạo GV thực hiện nghiêm quy chế thi, kiểm tra	13	43,3	14	46,7	3	10	2,33	3
4	Theo dõi việc chấm điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi của SV	8	26,7	10	33,3	12	40	1,87	5
5	Khoa và Tổ chuyên môn kiểm tra hàng tháng số điểm bộ môn, số điểm cá nhân GV	11	36,7	12	40	7	23,3	2,13	4

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát*

Việc tổ chức học tập quy chế, hướng dẫn đánh giá xếp loại SV vào đầu mỗi năm học được tiến hành thường xuyên ( $\bar{X} = 2,47$ ; Xếp thứ bậc = 1). Điều này dễ hiểu bởi ngay từ đầu mỗi năm học, Tổ trưởng chuyên môn có nhiệm vụ hướng dẫn GV cách đánh giá SV theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Với  $\bar{X} = 2,43$ ; Xếp thứ bậc = 2, công tác xây dựng những quy định cụ thể về việc tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV cũng được đánh giá thực hiện tương đối tốt. Song thực tế còn một số điểm đánh giá chưa rõ ràng (30 % đánh giá ở mức trung bình và 13,3 % đánh giá chưa tốt).

Biện pháp chỉ đạo GV thực hiện nghiêm quy chế thi, kiểm tra mặc dù

Như vậy, có thể nói rằng, Nhà trường đã có nhiều nỗ lực trong quản lý giờ lên lớp của GV, song chỉ duy trì về mặt nề nếp, còn các hoạt động đi vào chiều sâu chuyên môn thì kết quả chưa thật tốt. Tồn tại này nếu được khắc phục sẽ nâng cao chất lượng hoạt động dạy học ở Nhà trường.

được quán triệt thực hiện thường xuyên, xong kết quả  $\bar{X} = 2,33$ ; Xếp thứ bậc = 3 cho thấy nội dung này không được đánh giá cao.

Theo dõi việc chấm điểm kiểm tra định kỳ, điểm thi của SV là công việc cần thiết và quan trọng. Tuy nhiên, với kết quả thu được  $\bar{X} = 1,87$ ; Xếp thứ bậc = 5 chứng tỏ biện pháp này được thực hiện chưa tốt. Đây là vấn đề Nhà trường cần phải nhanh chóng khắc phục.

Ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, một số biện pháp quản lý công tác kiểm tra đánh giá đã được tổ chức thực hiện tốt nhưng cũng còn biện pháp chưa tốt, cần sớm khắc phục để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất

lượng dạy học môn GDQP&AN nói riêng của Nhà trường.

*d. Thực trạng quản lý các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên*

Ngoài giảng dạy, GV còn tham gia hoạt động hoạt động chuyên môn nghiệp vụ bao gồm: Bồi dưỡng, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sinh hoạt chuyên môn học thuật, nghiên cứu khoa học. Các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ của GV có mối liên hệ mật thiết với nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất.

Công tác tổ chức quán triệt cho CBQL, GV về mục đích, yêu cầu thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ còn nhiều hạn chế ( $\bar{X} = 2,07$ ; Xếp thứ bậc = 4). Có 40 % số ý kiến đánh giá việc thực hiện ở mức trung bình và 26,7 % đánh giá chưa tốt.

Quản lý công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của GV, kết quả thực hiện có 40 % đánh giá trung bình và 10 % đánh giá thực hiện biện pháp này chưa tốt ( $\bar{X} = 2,4$ ; Xếp thứ bậc = 2). Điều này cho thấy ý thức trách nhiệm của CBQL trong công

tác này chưa cao và năng lực trách nhiệm của một số GV còn hạn chế, chưa tích cực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Ban Giám hiệu đã tổ chức cho CBQL, GV nghiên cứu, quán triệt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học. Biện pháp này được đánh giá cao nhất ( $\bar{X} = 2,5$ ; Xếp thứ bậc = 1), tuy nhiên với 30 % đánh giá trung bình và 10 % đánh giá chưa tốt, chứng tỏ biện pháp vẫn còn những hạn chế nhất định.

Thực hiện quản lý công tác sinh hoạt chuyên môn, học thuật được thực hiện đầy đủ song vẫn hiệu quả chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu. Còn 23,3 % ý kiến đánh giá mức độ thực hiện trung bình và 20 % số ý kiến cho rằng CBQL thực hiện biện pháp này chưa tốt ( $\bar{X} = 2,37$ ; Xếp thứ bậc = 3).

Với kết quả  $\bar{X} = 1,93$ ; Xếp thứ bậc = 5 chứng tỏ công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV còn chưa thực sự tốt, chất lượng vẫn có nhiều hạn chế.

**Bảng 4. Thực trạng quản lý các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên**

TT	Biện pháp quản lý các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của GV	Mức độ thực hiện (%)						$\bar{X}$	Thứ bậc
		Tốt		Trung bình		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức quán triệt cho CBQL, GV về mục đích, yêu cầu thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.	10	33,3	12	40	8	26,7	2,07	4
2	Quản lý công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng của GV.	15	50	12	40	3	10	2,4	2
3	Quản lý việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.	18	60	9	30	3	10	2,5	1
4	Quản lý công tác sinh hoạt chuyên môn học thuật.	17	56,7	7	23,3	6	20	2,37	3
5	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của GV.	10	33,3	8	26,7	12	40	1,93	5

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát*

Đánh giá chung, công tác quản lý các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của GV đã được coi trọng song chưa được

đầu tư đúng mức; Công tác quản lý sinh hoạt chuyên môn học thuật và nghiên cứu khoa học của GV còn chưa được quan

## Nghiên cứu

tâm. CBQL chưa chủ động, sáng tạo trong quản lý công tác này, GV thiếu chủ động, chưa tích cực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ, dẫn đến chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy trong giai đoạn mới.

### *3.2.2. Thực trạng quản lý hoạt động học và tự học của sinh viên*

Để đánh giá mức độ thực hiện công tác quản lý hoạt động học tập của SV, tác giả đã tiến hành xin ý kiến của 300 SV ở các lớp. Cụ thể:

Việc tổ chức quán triệt yêu cầu thực hiện chương trình môn học được thường xuyên triển khai và đạt kết quả tương đối tốt (93,3 % ý kiến đánh giá tốt). Tuy nhiên, với kết quả  $\bar{X} = 2,39$ ; Xếp thứ bậc = 4, chứng tỏ SV chưa thực sự quán triệt sâu yêu cầu thực hiện chương trình. Điều này khiến cho SV thiếu chủ động trong quá trình học tập.

Nhà trường đã chỉ đạo GV hướng dẫn SV phương pháp tự học, giao nhiệm vụ tự học cho SV, có kiểm tra, giám sát chặt chẽ

(90 % đánh giá thực hiện tốt). Với kết quả  $\bar{X} = 2,35$ ; Xếp thứ bậc = 5, chứng tỏ biện pháp này đã có hiệu quả và đi vào nề nếp, tạo cho SV hình thành thói quen, năng lực tự học, tự đào tạo. Việc tổ chức khen thưởng, kỷ luật kịp thời trong các phong trào thi đua học tập và rèn luyện của SV góp phần thúc đẩy SV hăng hái, tích cực học tập. Biện pháp này cũng đã đạt được kết quả tương đối tốt ( $\bar{X} = 2,6$ ; Xếp thứ bậc = 1).

Tổ bộ môn đã tiến hành xây dựng quy chế phối hợp giữa GV, Hội SV, Đoàn Thanh niên trong công tác quản lý hoạt động học và tự học của SV đã mang lại hiệu quả ( $\bar{X} = 2,4$ ; Xếp thứ bậc = 3).

Với kết quả  $\bar{X} = 2,52$ ; Xếp thứ bậc = 2, biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu được thực hiện tốt, có 2,3 % số ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình và 1 % đánh giá ở mức độ chưa tốt.

**Bảng 5. Thực trạng quản lý hoạt động học, tự học của sinh viên**

TT	Biện pháp quản lý hoạt động học, tự học của sinh viên	Mức độ thực hiện (%)						$\bar{X}$	Thứ bậc
		Tốt		Trung bình		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Tổ chức quán triệt việc thực hiện chương trình môn học.	280	93,3	12	4,0	8	2,7	2,39	4
2	Yêu cầu GV hướng dẫn cho SV các phương pháp tự học.	270	90,0	20	6,7	10	3,3	2,35	5
3	Xây dựng quy chế phối hợp giữa GV, Hội SV và Đoàn Thanh niên trong công tác quản lý hoạt động học và tự học của SV.	285	95,0	10	3,3	5	1,7	2,4	3
4	Tạo điều kiện thuận lợi cho SV phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu.	290	96,7	7	2,3	3	1,0	2,52	2
5	Tổ chức khen thưởng, kỷ luật kịp thời trong các phong trào thi đua học tập và rèn luyện của SV.	292	97,3	6	2,0	2	0,7	2,6	1

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát*

3.2.3. *Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh*

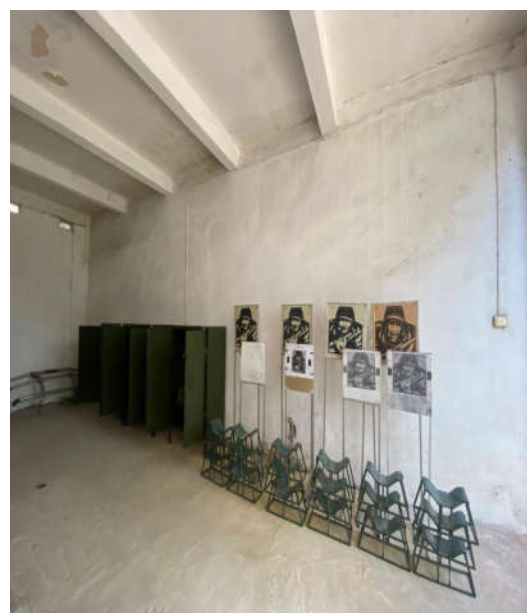
Trong giai đoạn đổi mới chương trình và phương pháp dạy học thì yêu cầu về trang bị phương tiện dạy học hiện đại đáp ứng được công tác dạy học là một yếu tố quyết định tới chất lượng dạy học. GDQP&AN là môn học đặc thù, với khối lượng cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị dạy học (TBDH) lớn đòi hỏi được quản

lý chặt chẽ từ khâu mua sắm, sử dụng và bảo quản. Việc sản xuất TBDH môn GDQP&AN chủ yếu do các đơn vị quân đội đảm nhiệm, có những chủng loại chỉ có một nhà máy sản xuất do vậy trong mua sắm không thể áp dụng mời thầu cạnh tranh mà thực hiện theo chỉ định thầu; Trong khai thác sử dụng và quản lý có sự chỉ đạo thống nhất giữa Bộ GD&ĐT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các cơ sở GDQP&AN.

**Bảng 6. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

TT	Biện pháp quản lý CSVC, TBDH môn GDQP&AN	Mức độ thực hiện (%)						$\bar{X}$	Thứ bậc
		Tốt		Trung bình		Chưa tốt			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Lập kế hoạch đảm bảo thiết bị, phương tiện, điều kiện cho dạy học môn GDQP&AN.	20	66,7	8	26,7	2	6,7	2,57	1
2	Xây dựng nội quy, quy chế, quy định về việc sử dụng, bảo quản CSVC, TBDH.	18	60,0	9	30,0	3	10,0	2,49	2
3	Tổ chức, chỉ đạo khai thác, sử dụng, bảo quản, quản lý CSVC, TBDH	18	60,0	9	30,0	3	10,0	2,44	3
4	Tổ chức tập huấn hướng dẫn, bồi dưỡng năng lực sử dụng CSVC, TBDH.	16	53,3	10	33,3	4	13,3	2,39	4
5	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác quản lý CSVC, TBDH.	14	46,7	9	30,0	7	23,3	2,19	5

*Nguồn: Số liệu tổng hợp từ phiếu khảo sát*



**Hình 1: Cơ sở vật chất phục vụ học tập**

## Nghiên cứu

Cho đến nay CSVC, TBDH môn GDQP&AN của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về cơ bản bảo đảm theo Quyết định số 8412/QĐ-BGDĐT ngày 25/11/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về tiêu chuẩn bộ mẫu thiết bị dạy học môn GDQP&AN trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông). CSVC, TBDH môn GDQP&AN được trang bị từ nhiều nguồn như tổ chức mua sắm, nhờ hỗ trợ của các đơn vị bạn và tự làm, tự chế.

Tuy nhiên nhiều chủng loại đã xuống cấp, khó mua sắm, nhà trường vẫn phải tiếp tục phát huy nguồn hỗ trợ và tự làm, tự chế kết hợp với mua sắm mới một cách hiệu quả, tiết kiệm. Đánh giá về mức độ thực hiện công tác quản lý CSVC, TBDH môn GDQP&AN ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cho kết quả như sau:

Kết quả  $\bar{X} = 2,57$ ; Xếp thứ bậc = 1 cho thấy: Việc lập kế hoạch đảm bảo thiết bị, phương tiện, điều kiện cho dạy học môn GDQP&AN được Nhà trường thường xuyên quan tâm (66,7 % đánh giá thực hiện tốt).

Nhà trường đã xây dựng các nội quy, quy chế, quy định về việc sử dụng, bảo quản CSVC, TBDH làm cơ sở đánh giá công tác quản lý CSVC, TBDH của các khoa, tổ chuyên môn và nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng CSVC, TBDH một cách hợp lý ( $\bar{X} = 2,49$ ; Xếp thứ bậc = 2). Có 30 % số ý kiến đánh giá ở mức độ trung bình và 10 % đánh giá ở mức chưa tốt chứng tỏ biện pháp này thực hiện vẫn chưa thường xuyên.

Công tác tổ chức, chỉ đạo, khai thác, sử dụng bảo quản CSVC, TBDH cũng đã được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, kết quả thực hiện công tác này chưa thật tốt

( $\bar{X} = 2,44$ ; Xếp thứ bậc = 3), vẫn còn 30 % số ý kiến đánh giá ở mức trung bình và 10 % đánh giá ở mức chưa tốt. Điều này phản ánh công tác quản lý của đơn vị chưa chặt chẽ, GV chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của việc sử dụng TBDH trong giảng dạy. Mặt khác, có thực trạng trên là CSVC, TBDH còn thiếu và kém chất lượng nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc sử dụng, tần suất sử dụng và bảo quản thiết bị.

Với kết quả  $\bar{X} = 2,39$ ; Xếp thứ bậc = 4, cho thấy việc tổ chức tập huấn hướng dẫn, bồi dưỡng năng lực sử dụng CSVC, TBDH chưa được thực sự quan tâm đúng mức, kết quả thực hiện chưa tốt.

Do tổ chức quản lý việc khai thác, sử dụng, bảo quản CSVC, TBDH thiếu chặt chẽ nên công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quản lý CSVC, TBDH chưa được CBQL quan tâm, chú trọng ( $\bar{X} = 2,19$ ; Xếp thứ bậc = 5). Chính vì vậy chất lượng quản lý CSVC, TBDH còn hạn chế, yếu kém.

### ***3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục Quốc phòng và An ninh cho sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội***

#### ***3.3.1. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên bảo đảm số lượng, chất lượng, đạt chuẩn hóa***

Đó là yếu tố quyết định chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN cả trước mắt và lâu dài. Trên cơ sở Luật Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Nhà trường đã chủ động xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, đội ngũ CBQL và GV. Hiện nay, GV GDQP&AN Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có 8 GV cơ hữu tại trường. Trình độ học vấn của các GV là cử nhân và đang tiếp tục chương trình đào tạo sau đại học. Chất lượng đội ngũ CB, GV, được tuyển chọn, kiểm soát

chất lượng đầu vào và được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên. Cùng với đó, Nhà trường chủ động xây dựng, ban hành các cơ chế, đãi ngộ phù hợp để đội ngũ CB, GV yên tâm, gắn bó với công việc. Đồng thời, hằng năm cử CB, GV tham gia các lớp tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo, sau đó tập huấn cho số CB, GV còn lại. Nhà trường khuyến khích đội ngũ CB, GV tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nhất là các đề tài có tính ứng dụng thực tiễn cao [2].

### *3.3.2. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy - học theo hướng tích cực*

Là môn học đặc thù nên có lý thuyết và có thực hành, vừa giáo dục chính trị tư tưởng, vừa rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý chí, tinh thần kỷ luật và huấn luyện kỹ thuật quân sự. Vì vậy, SV sau khi tiếp cận với kiến thức đòi hỏi phải biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tế. Việc dạy học theo định hướng phát triển toàn diện năng lực thực hiện không chỉ chú ý đến việc tích cực hoá người học về mặt trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện cho họ những năng lực giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn, những tình huống nghề nghiệp. Tổ chức các hoạt động giảng dạy luôn luôn đổi mới, phong phú, đa dạng tạo kích thích hứng thú cho SV. Đồng thời, yêu cầu đội ngũ GV biên soạn giáo án điện tử, các bài giảng đều được minh họa bằng âm thanh, hình ảnh, phim tư liệu về các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, hoạt động quốc phòng, an ninh của các địa phương,... nhằm thu hút, lôi cuốn SV. Khoa GDTC&GDQP tổ chức thông qua bài giảng, giảng thử, kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung kiến thức, điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp. Quá trình lên lớp, GV chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại; Khắc phục dứt điểm việc truyền thụ một chiều, tăng cường

gợi ý, hướng dẫn, trao đổi, thảo luận. GV giữ vai trò định hướng, tổng hợp, giải đáp những vướng mắc, phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu của SV.

Để rèn luyện kỹ năng quân sự, Khoa GDTC&GDQP chú trọng huấn luyện thực hành, duy trì huấn luyện theo quy trình 03 bước (làm nhanh, làm chậm có phân tích, làm tổng hợp) để SV nắm được yếu lĩnh, động tác cơ bản, làm cơ sở cho việc luyện tập, phối hợp hiệp đồng trong tiểu đội, trung đội, đại đội, góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện.

### *3.3.3. Tăng cường công tác quản lý, rèn luyện sinh viên, gắn học đi đôi với rèn. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau giờ học tập*

Đây là nội dung thiết thực, tạo môi trường quân sự để SV rèn luyện, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng GDQP&AN của Khoa. Theo đó, khi SV đến học tập trung tại Phân hiệu, Khoa GDTC&GDQP phối hợp với Phân hiệu Trường tại tỉnh Thanh Hóa bố trí, sắp xếp biên chế thành các tiểu đội, trung đội, đại đội. Trong đó, cán bộ đại đội do GV GDQP&AN đảm nhiệm; Cán bộ trung đội trưởng, tiểu đội trưởng được lựa chọn từ những SV có năng lực quản lý, chỉ huy kiêm nhiệm. Khoa GDTC&GDQP thực hiện quản lý theo phân cấp, duy trì nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, các chế độ trong ngày, trong tuần, đưa hoạt động của SV gần giống như môi trường quân sự. Đội ngũ CBQL thường xuyên quan tâm, nắm bắt tâm tư, tình cảm, sức khỏe của SV để có biện pháp quản lý, động viên và tổ chức huấn luyện phù hợp. Bên cạnh đó, trong quá trình diễn ra đợt học, Khoa GDTC&GDQP phối hợp với Phân hiệu tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV như Hội thao GDQP&AN, giải thể thao SV,... Các hoạt động đều

## **Nghiên cứu**

gắn với chủ đề mỗi đợt học, đã làm sinh động thêm công tác dạy và học của Khoa. Qua những hoạt động đó, nhằm mục đích tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho SV, rèn luyện cho SV có tính kỷ luật cao, có sức khỏe tốt, đoàn kết và bản lĩnh vững vàng. Đồng thời nhằm kiểm tra, đánh giá công tác giáo dục, huấn luyện nội dung GDQP&AN tại đơn vị.

### ***3.3.4. Chú trọng bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy - học***

Những năm qua, Nhà trường đã đầu tư mua sắm nhiều vật chất, trang thiết bị dạy học môn GDQP&AN. Đồng thời nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Cục Dân quân tự vệ, Bộ Tổng tham mưu nên đã bảo đảm tương đối đồng bộ vũ khí, trang bị, mô hình, đồ dùng huấn luyện, phòng học chuyên dùng, trang phục,... phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường còn đầu tư xây dựng, đưa vào hoạt động bãi tập chiến thuật phục vụ công tác dạy - học của GV, SV. Dự báo những năm tới, lưu lượng SV tiếp tục tăng, để hoàn thành nhiệm vụ được giao, Nhà trường tăng cường đầu tư kinh phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất hiện có, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật mới, hiện đại phục vụ dạy và học. Góp phần hun đúc lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm thế hệ trẻ của Nhà trường trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

## **4. Kết luận**

Giáo dục Quốc phòng và An ninh cho SV là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc và trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về hoạt động quân sự, quốc phòng cho trí thức trẻ. Nhận thức sâu sắc ý nghĩa thiết thực đó, những năm qua, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã có nhiều chủ trương,

giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy môn học GDQPAN cho SV. Qua kết quả khảo sát và phân tích hoạt động giảng dạy, học tập môn học GDQP&AN Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nghiên cứu đã đề xuất được 4 giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, đó là: Tập trung xây dựng đội ngũ CB, GV bảo đảm số lượng, chất lượng, đạt chuẩn hóa; Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy - học theo hướng tích cực; Tăng cường công tác quản lý, rèn luyện SV, gắn học đi đôi với rèn. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa sau giờ học tập; Chú trọng bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy - học.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Giáo trình Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh* (dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh). Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường Trung cấp sư phạm, Cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục Đại học*. Hà Nội.
- [3]. Quốc hội (2013). *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013*. Hà Nội
- [4]. Lâm Đông Hồ (2018). *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập môn giáo dục Quốc phòng và An ninh các trường Cao đẳng và Đại học tại tỉnh Kiên Giang*. Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục, số 03/2018.
- [5]. Lê Đức Sơn (2019). *Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.